

Số: 590 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về nhóm nghiên cứu và quản lý nhóm nghiên cứu
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 06 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về
đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ
Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;
Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc
thành lập Đại học Thái Nguyên;
Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và
các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại
học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;
Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường
Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư
phạm; Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường
Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày
29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ
chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;
Căn cứ Quyết định số 5289/QĐ-ĐHSP ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại
học Thái Nguyên ban hành Quy định về tổ chức hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên
cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khoa học - Công nghệ và Hợp tác quốc tế.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nhóm nghiên cứu và quản
lý nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 5740/QĐ-ĐHSP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy định quản lý hoạt động các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Khoa học - Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, các Trưởng đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Am*

- Như Điều 3 (để thực hiện); *h*
- Lưu: VT, KHCN-HTQT (05).



PGS.TS. Mai Xuân Trường



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUY ĐỊNH

Về nhóm nghiên cứu và quản lý nhóm nghiên cứu
của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số: 590/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về nhóm nghiên cứu và quản lý nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Trường), gồm các nội dung về: Quy định chung, Nhóm nghiên cứu tiềm năng, Hỗ trợ nhóm nghiên cứu tiềm năng, Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

2. Quy định này áp dụng đối với các nhóm nghiên cứu và hoạt động quản lý nhóm nghiên cứu, các cá nhân và đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhóm nghiên cứu gồm:

a) Nhóm nghiên cứu mạnh (NCM) là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao của Trường đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn (ít nhất 5 năm), có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ. Các thành viên chủ chốt của nhóm có kết quả nghiên cứu xuất sắc. Nhóm nghiên cứu mạnh được Giám đốc Đại học Thái Nguyên quyết định thành lập.

b) Nhóm nghiên cứu tiềm năng (NCTN) là tập hợp giảng viên, người học, nhà khoa học, nghiên cứu viên, chuyên gia trong và ngoài nước có định hướng chuyên môn và mục tiêu nghiên cứu chung, nhằm tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ mới, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu và đào tạo nhân lực chất lượng cao và được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng.

2. Giảng viên của Trường bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên hợp đồng cơ hữu, giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau nghỉ hưu, giảng viên thỉnh giảng.

[Signature]

3. Nhà khoa học dùng để chỉ một nhân lực khoa học có chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu, sáng tạo có trình độ cử nhân, kỹ sư hoặc tương đương trở lên. Nhà khoa học là khái niệm đồng nghĩa với các khái niệm nhà nghiên cứu, cán bộ khoa học.

4. Tạp chí quốc tế có uy tín

a) Tạp chí quốc tế có uy tín là tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), gồm:

- Danh mục SCIE;
- Danh mục A&HCI (Arts and Humanities Citation Index);
- Danh mục SSCI (Social Science Citation Index);
- Danh mục ESCI (Emerging Sources Citation Index);

b) Tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier;

5. Tạp chí quốc gia có uy tín là các tạp chí khoa học trong danh mục của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước.

6. Giải thưởng Khoa học công nghệ quốc gia và quốc tế có uy tín:

a) Giải thưởng Khoa học công nghệ quốc gia có uy tín là giải thưởng được trao tặng bởi cơ quan, tổ chức Khoa học công nghệ có thẩm quyền của nhà nước hoặc bởi các hội nghề nghiệp có uy tín cao trong cộng đồng Khoa học công nghệ trong nước.

b) Giải thưởng Khoa học công nghệ quốc tế có uy tín là giải thưởng được trao tặng bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế được cộng đồng khoa học quốc tế công nhận rộng rãi.

7. Tác giả chính là tác giả đứng thứ nhất hoặc tác giả liên hệ của công trình khoa học, chủ biên sách, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học công nghệ, hoặc người đại diện cho sản phẩm khoa học được chuyển giao. Đối với bài báo khoa học nếu có từ hai tác giả liên hệ trở lên thì tác giả đứng đầu là tác giả chính duy nhất của bài báo.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Nhóm nghiên cứu được tổ chức hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, tuân thủ quy định của pháp luật, của Đại học Thái Nguyên, Trường và đạo đức nghiên cứu. Các kết luận của nhóm nghiên cứu phải được 2/3 thành viên của nhóm nghiên cứu thông qua. Trường hợp đặc biệt, trưởng nhóm nghiên cứu báo cáo Hiệu trưởng xét duyệt, quyết định.

2. Kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu phải được quản lý, sử dụng theo quy trình bảo mật và được bảo vệ bản quyền theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định liên quan khác.

Điều 4. Quản lý hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh do Đại học Thái Nguyên thành lập

1. Nhóm NCM được thành lập, quản lý hoạt động theo quy định của Đại học Thái Nguyên.

2. Các nhóm nghiên cứu mạnh xây dựng kế hoạch hoạt động trong cả giai đoạn và kế hoạch từng năm, có cam kết sản phẩm theo quy định. Kế hoạch hoạt động của nhóm triển khai sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt.



3. Nhóm NCM không có hoạt động theo kế hoạch hàng năm/giai đoạn được phê duyệt, không đạt được sản phẩm theo quy định sẽ đề nghị Đại học Thái Nguyên xem xét dừng hoạt động và nhận hỗ trợ theo quy định.

4. Các chính sách dành cho nhóm NCM thực hiện theo Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học; Quy định của Đại học Thái Nguyên và chính sách hỗ trợ của Trường theo quy định này nếu sản phẩm đáp ứng điều kiện theo yêu cầu (trừ các chính sách và sản phẩm đã được Đại học Thái Nguyên hỗ trợ, chi kinh phí).

Điều 5. Yêu cầu về thông tin, thời gian hoàn thành sản phẩm của nhóm nghiên cứu

1. Các sản phẩm có chủ đề và nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm đã đăng kí.

2. Các sản phẩm được xác định là sản phẩm của nhóm NCTN phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Trên sản phẩm có ghi địa chỉ của tất cả các thành viên là: Tiếng Việt “Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên” hoặc Tiếng Anh “*Thai Nguyen University of Education*”, đối với thành viên ngoài trường có thể ghi thêm địa chỉ nơi đang công tác.

b) Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu được xác định là sản phẩm của nhóm nghiên cứu tiềm năng phải đáp ứng yêu cầu như ở Phụ lục I.

3. Sản phẩm hoàn thành trong thời gian hoạt động của nhóm nghiên cứu.

Điều 6. Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu

Các nhóm nghiên cứu báo cáo kết quả hoạt động theo kế hoạch được duyệt định kỳ (hàng năm) hoặc đột xuất khi Nhà trường yêu cầu.

Chương II

NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

Điều 7. Số lượng thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Nhóm NCTN có số lượng từ 5 đến 15 người, trong đó có 01 trưởng nhóm, 01 thư ký, và các thành viên khác. Mỗi giảng viên, nhà khoa học, người học chỉ tham gia 01 nhóm NCTN của Trường.

2. Thành viên có thể là người ngoài Trường nhưng không vượt quá 30% số lượng thành viên của nhóm NCTN.

3. Trưởng nhóm và thư kí nhóm NCTN là giảng viên cơ hữu hoặc giảng viên toàn thời gian của Trường.

Điều 8. Tiêu chuẩn là trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Trưởng nhóm NCTN là giảng viên cơ hữu hoặc toàn thời gian của Trường, có học vị tiến sĩ, đạt tối thiểu là 15 điểm theo Khung quy đổi sản phẩm quy định tại Phụ lục I của Quy định này và đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm NCTN;

Am

b) Có kinh nghiệm hợp tác nghiên cứu, thương mại hóa hoặc tư vấn, phản biện chính sách;

c) Có chỉ số trích dẫn khoa học cá nhân H-index từ 5 trở lên;

d) Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Nhà nước, bộ, cấp tỉnh hoặc 01 nhiệm vụ, dự án hợp tác quốc tế hoặc hợp tác với doanh nghiệp có quy mô tương đương được nghiệm thu từ mức đạt trở lên trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm xét công nhận nhóm;

đ) Là tác giả của 01 chương sách chuyên khảo hoặc 01 sách tham khảo, 01 sách giáo trình;

e) Đã tham gia hướng dẫn thành công ít nhất 01 nghiên cứu sinh;

g) Đạt một trong các thành tích trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm xét công nhận nhóm:

- Là tác giả chính của ít nhất 05 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), Scopus;

- Là tác giả của ít nhất 01 sáng chế, hoặc 01 giải pháp hữu ích, hoặc 01 bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Là tác giả của tác phẩm, sản phẩm sáng tạo, dự án thiết kế, công trình kiến trúc hoặc dự án công nghệ có tác động quốc tế hoặc trong nước được công nhận bởi tổ chức chuyên ngành uy tín;

- Là tác giả của công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt giải ba giải thưởng khoa học, công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh trở lên.

2. Trưởng nhóm NCTN có thể được xem xét đặc cách công nhận nếu đã đạt giải thưởng quốc tế uy tín, giải nhất giải thưởng khoa học, công nghệ cấp bộ hoặc cấp tỉnh trở lên hoặc được xác định là nhà khoa học trẻ tài năng, nhân tài khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên của nhóm NCTN cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có kết quả nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của NCTN và có cam kết tham gia hoạt động của nhóm;

b) Trong 05 năm gần nhất, đã có ít nhất một công trình khoa học công bố chung với trưởng nhóm hoặc một sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng, kết quả chuyển giao công nghệ, thử nghiệm sản xuất được thực hiện theo định hướng nghiên cứu của nhóm hoặc thực hiện cùng trưởng nhóm.

Nếu là thành viên đến từ bên ngoài Trường, ngoài các yêu cầu nêu trên, phải có bản cam kết tham gia nhóm NCTN.

Điều 9. Quy trình thành lập nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Hằng năm, Trường thông báo đến các đơn vị về việc đăng ký nhóm NCTN.

2. Quy trình thành lập nhóm NCTN gồm các bước sau: 

a) Các giảng viên cơ hữu hoặc toàn thời gian của Trường đủ điều kiện chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thành lập nhóm NCTN (thông qua Phòng KHCN&HTQT).

b) Trường thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ đăng ký thành lập nhóm NCTN.

c) Căn cứ kết quả của các Hội đồng chuyên môn, Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường thông qua chủ trương thành lập nhóm NCTN.

d) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, công nhận nhóm NCTN.

Điều 10. Yêu cầu về sản phẩm của nhóm nghiên cứu tiềm năng

Sản phẩm của nhóm NCTN phải phù hợp với ngành, lĩnh vực chuyên môn và trong thời hạn 03 năm kể từ khi thành lập, nhóm phải đạt được tối thiểu 40 điểm theo Khung quy đổi sản phẩm quy định tại Phụ lục I của Quy định này, đồng thời đáp ứng các chỉ tiêu sau:

1. Đào tạo thành công ít nhất 02 thạc sĩ hoặc 01 nghiên cứu sinh;
2. Xuất bản ít nhất 01 chương sách chuyên khảo hoặc 01 sách tham khảo hoặc 01 sách giáo trình;
3. Đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện sau:
 - a) Có trung bình mỗi năm từ 03 bài báo khoa học trở lên được công bố trên các tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), Scopus và có sự gia tăng hằng năm chất lượng công bố;
 - b) Được cấp ít nhất 01 bằng độc quyền sáng chế hoặc 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc 01 bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc 01 phần mềm máy tính hoặc 01 tác phẩm thiết kế hoặc có 01 sản phẩm ứng dụng được cơ quan có thẩm quyền công nhận, thương mại hóa hoặc chuyển giao.

Điều 11. Hồ sơ thành lập nhóm nghiên cứu tiềm năng

Hồ sơ đăng ký thành lập nhóm NCTN, bao gồm:

1. Đơn đăng ký;
2. Bản kê khai đề nghị công nhận trường nhóm;
3. Danh sách và trích ngang thành viên nhóm nghiên cứu;
4. Thuyết minh đề nghị thành lập nhóm nghiên cứu;
5. Lý lịch khoa học của trưởng nhóm và các thành viên;
6. Bản cam kết dành cho thành viên ngoài Trường;
7. Các hồ sơ, minh chứng bổ sung khác (nếu có).

Điều 12. Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Căn cứ vào hồ sơ đăng ký hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ nhóm NCTN, mỗi Hội đồng chuyên môn đánh giá cho một hoặc một số hồ sơ cùng hướng chuyên môn.

2. Hội đồng chuyên môn gồm 05 đến 07 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Các thành viên phải là giảng viên cơ hữu hoặc toàn thời gian của Trường có cùng hoặc rất gần lĩnh vực chuyên môn của nhóm NCTN, có học

vị tiến sĩ trở lên. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời thành viên là các nhà khoa học bên ngoài Trường.

3. Hồ sơ đăng ký được chuyển đến các thành viên chậm nhất 07 ngày trước khi Hội đồng chuyên môn họp. Các ủy viên phản biện chuẩn bị bản nhận xét theo mẫu và nộp về Trường (qua Phòng KHCN&HTQT) 02 ngày trước khi Hội đồng chuyên môn họp.

4. Phiên họp của Hội đồng chuyên môn được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (bản nhận xét của ủy viên phản biện vắng mặt đã nộp trước). Trường hợp ủy viên phản biện không đồng ý thông qua hồ sơ đăng ký thì người đó nhất thiết phải có mặt tại phiên họp.

5. Chủ tịch Hội đồng chuyên môn điều hành phiên họp. Sau khi nghe đại diện nhóm NCTN giới thiệu tóm tắt hồ sơ đăng ký, ủy viên phản biện đọc nhận xét, các thành viên Hội đồng chuyên môn chất vấn đại diện nhóm NCTN và góp ý để làm rõ và hoàn chỉnh các vấn đề trong hồ sơ.

6. Các thành viên Hội đồng chuyên môn xét chọn thể hiện ý kiến thông qua Phiếu đánh giá (Mẫu 08, Phụ lục II), trong mỗi phiếu có kết luận “Đạt” và “Không đạt”. Kết quả đánh giá chung của Hội đồng chuyên môn là “Đạt” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Đạt”. Kết quả họp Hội đồng chuyên môn xét chọn được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các ý kiến của thành viên Hội đồng.

Điều 13. Công nhận, giải thể nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Đối với các hồ sơ đăng ký nhóm NCTN đã được Hội đồng chuyên môn đánh giá “Đạt”; Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua chủ trương thành lập và Hiệu trưởng ra quyết định thành lập và công nhận; có thời hạn 03 năm và được đánh giá hằng năm theo quy định.

2. Hết giai đoạn 03 năm, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá, tham mưu, đề xuất cho Hiệu trưởng về việc tiếp tục giao nhiệm vụ ở giai đoạn tiếp theo hoặc công nhận lại nhóm NCTN. Việc công nhận lại nhóm NCTN được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ký quyết định.

Điều 14. Hoạt động của nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Trong thời hạn 15 ngày sau khi được công nhận, trưởng nhóm NCTN có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch hoạt động của nhóm theo thời gian công nhận và đề cương hoạt động chi tiết của từng năm, trên cơ sở các ý kiến góp ý của Hội đồng chuyên môn.

2. Các nhóm NCTN họp định kỳ ít nhất 01 Quý một lần. Trong trường hợp cần thiết, trưởng nhóm NCTN có thể triệu tập phiên họp bất thường.

3. Phiên họp thường kỳ của nhóm NCTN cần có ít nhất 3/4 tổng số thành viên của nhóm NCTN tham dự. Các phiên họp bất thường phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của nhóm NCTN tham dự.

4. Hiệu trưởng phê duyệt đề cương hoạt động của nhóm NCTN sau khi được Hội đồng chuyên môn thông qua. Hằng năm, kết quả của nhóm NCTN được đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn do Hiệu trưởng thành lập (Quy trình thành lập và tổ chức hoạt động như

Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ nhóm nghiên cứu tiềm năng tại Điều 12 của Quy định này) để xem xét công nhận kết quả thực hiện, duyệt kinh phí hỗ trợ, kinh phí thưởng cho nhóm NCTN, dự kiến nội dung hoạt động và sản phẩm của năm tiếp theo.

5. Dựa trên đề cương hoạt động đã được phê duyệt, trưởng nhóm có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động của nhóm NCTN.

Điều 15. Trách nhiệm của nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Tìm kiếm, thu hút được các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm, đột xuất do Trường đặt hàng.

2. Phát triển đội ngũ nghiên cứu cả về số lượng và chất lượng theo định hướng nghiên cứu của Trường.

3. Tạo ra các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ giáo dục chất lượng để khẳng định uy tín, thương hiệu Trường.

4. Xây dựng và quảng bá thương hiệu nghiên cứu của Trường.

5. Thực hiện các nhiệm vụ để triển khai hoạt động của nhóm trong năm, cụ thể:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm NCTN và dự toán kinh phí theo giai đoạn và hằng năm;

b) Tổ chức triển khai các hoạt động của nhóm nghiên cứu theo kế hoạch được phê duyệt;

c) Báo cáo kết quả hoạt động theo năm và theo giai đoạn (có minh chứng);

d) Đề xuất điều chỉnh nội dung, kinh phí hoạt động và dự toán kinh phí của năm tiếp theo (nếu cần) để đảm bảo thực hiện các sản phẩm nghiên cứu theo cam kết.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của trưởng nhóm, thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Trưởng nhóm NCTN

Trưởng nhóm NCTN có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về hoạt động của nhóm NCTN;

b) Cam kết về số lượng, chất lượng các sản phẩm nghiên cứu với Trường;

c) Xây dựng kế hoạch hoạt động, thanh quyết toán kinh phí của nhóm NCTN theo đúng quy định tài chính hiện hành;

d) Rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ hằng năm và cả giai đoạn;

đ) Tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động của nhóm NCTN;

e) Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm NCTN theo năm, giai đoạn hoặc đột xuất;

g) Đề xuất bổ sung, thay đổi các thành viên của nhóm NCTN theo từng năm (nếu có);

h) Phân công nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên nhóm NCTN;

i) Kiến nghị Trường tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho hoạt động của nhóm NCTN;

k) Đề nghị Trường đánh giá hoạt động của nhóm NCTN sau khi giao nộp đủ các sản phẩm nhóm NCTN theo cam kết;

l) Tổ chức khai thác và chuyển giao các kết quả nghiên cứu; kiến nghị Trường tạo điều kiện ứng dụng kết quả nghiên cứu;

m) Mời chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài Trường hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong hoạt động cụ thể;

n) Được hưởng các quyền tác giả theo quy định hiện hành sau khi thực hiện đăng ký sở hữu kết quả nghiên cứu với các cơ quan chức năng.

2. Thành viên nhóm NCTN

Các thành viên nhóm NCTN có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Thực hiện các hoạt động theo phân công của Trường nhóm NCTN.

b) Chịu trách nhiệm trước trường nhóm NCTN về các hoạt động được phân công.

c) Được hưởng các quyền tác giả theo quy định hiện hành.

Điều 17. Thay đổi thành viên của nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Việc thay đổi, bổ sung thành viên của nhóm NCTN được thực hiện hằng năm dựa trên đề nghị của trưởng nhóm và được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc đề nghị thay đổi, bổ sung thành viên cần được ít nhất 2/3 thành viên trong nhóm NCTN thông qua.

2. Thành viên xin rút khỏi nhóm NCTN cần thông báo trước cho trưởng nhóm ít nhất 60 ngày và sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Thành viên bỏ không tham gia nhóm NCTN hoặc có kết luận vi phạm pháp luật về khoa học công nghệ của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ vào mức độ vi phạm thì trưởng nhóm có thể đề nghị Hiệu trưởng xem xét xóa tên thành viên khỏi nhóm NCTN.

4. Thành viên rút khỏi nhóm NCTN cần cam kết giữ bảo mật thông tin nghiên cứu của nhóm và cam kết không sử dụng sản phẩm, kết quả của nhóm nghiên cứu khi chưa được sự đồng ý của trưởng nhóm và Trường.

Điều 18. Đề xuất chuyên gia hỗ trợ nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Các nhóm NCTN tùy theo nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể có thể đề xuất, giới thiệu chuyên gia trong và ngoài nước phối hợp cùng nhóm.

2. Các chuyên gia hỗ trợ nhóm NCTN phải là các nhà khoa học/nhà quản lý có kinh nghiệm quản lý, có năng lực nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

3. Nhóm NCTN tự chi trả kinh phí cho chuyên gia theo thỏa thuận của các bên.

4. Quy trình và thủ tục mời chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường thực hiện theo quy định của pháp luật.



Chương III

HỖ TRỢ NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

Điều 19. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ của nhóm nghiên cứu tiềm năng

Căn cứ vào nguồn lực của Nhà trường ở từng giai đoạn và kết quả hoạt động của nhóm NCTN, Trường xem xét hỗ trợ các nhóm NCTN thực hiện nhiệm vụ thuộc các nội dung cụ thể sau:

1. Ưu tiên đặt hàng, duyệt đề xuất các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở để giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Hằng năm, Trường ưu tiên dành khoảng 50% số đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở cho nhóm NCTN.

2. Hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo:

a) Thành viên nhóm NCTN tham gia hội nghị, hội thảo phải được Trường nhóm NCTN đề nghị và được Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Tham gia hội nghị, hội thảo trong nước:

Định mức 2 triệu đồng/thành viên/năm. Điều kiện: Thành viên nhóm NCTN phải là tác giả của bài báo được đăng trên kỷ yếu của hội nghị, hội thảo hoặc được mời báo cáo (Toàn thể, hoặc tiểu ban) tại hội nghị, hội thảo.

c) Tham dự hội nghị, hội thảo tổ chức ở nước ngoài:

Stt	Điều kiện	Yêu cầu	Hỗ trợ
1	- Thành viên nhóm NCTN được mời là Keynote speaker của Hội thảo quốc tế có uy tín. - Bài báo đã được đăng tải trong danh mục WoS/Scopus.	- Tham gia trực tiếp. - Có minh chứng: Tham dự trực tiếp hội nghị, hội thảo; minh chứng bài báo đã được đăng trong danh mục WoS/Scopus và báo cáo sau khi kết thúc hội thảo.	- Tối đa 40.000.000/năm/thành viên để hỗ trợ một phần chi phí đi lại, hỗ trợ chi phí ăn, ở trong thời gian hội nghị, hội thảo (trừ các phần kinh phí đã được cấp bởi nguồn khác). - Mỗi bài báo chỉ hỗ trợ 01 thành viên nhóm NCTN báo cáo (Keynote speaker). Mỗi thành viên chỉ được xem xét cử đi 1 lần/năm. - Định mức chi cho từng nội dung theo quy định hiện hành.
2	- Thành viên nhóm NCTN được mời báo cáo của Hội thảo quốc tế có uy tín. - Bài báo đã được đăng tải trong	- Tham gia trực tiếp. - Có minh chứng: Tham dự trực tiếp hội nghị, hội thảo; minh chứng bài báo đã được đăng trong danh mục WoS/Scopus và báo cáo sau khi kết thúc hội thảo.	- Tối đa 30.000.000/năm/nhóm NCTN để hỗ trợ một phần chi phí đi lại, hỗ trợ chi phí ăn, ở trong thời gian hội nghị, hội thảo (trừ các phần kinh phí đã được cấp bởi nguồn khác). - Mỗi bài báo chỉ hỗ trợ 01 thành viên nhóm NCTN báo cáo.

Am

	danh mục WoS/Scopus.	Giảng viên cam kết bài báo sẽ được đăng tải trong danh mục WoS/Scopus.	- Định mức chỉ cho từng nội dung theo quy định hiện hành.
--	----------------------	--	---

3. Hỗ trợ và thưởng công bố khoa học của nhóm NCTN

Các sản phẩm khoa học của nhóm NCTN được hỗ trợ và thưởng như Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành (Bao gồm cả thành viên của nhóm NCTN là người học và người ngoài trường). Ngoài ra, các sản phẩm khoa học của nhóm NCTN được hỗ trợ thêm 10 triệu đồng/bài báo thuộc danh mục SCIE/SSCI/A&HCI-Q1; 07 triệu bài báo thuộc danh mục SCIE/SSCI/A&HCI-Q2; 05 triệu đồng/bài báo thuộc danh mục: SCIE, SSCI, A&HCI-Q3, Q4/Scopus/ESCI; 10 triệu đồng/sáng chế; 05 triệu đồng/Giải pháp hữu ích. Các sản phẩm sẽ chỉ được hỗ trợ một lần.

4. Nhóm NCTN được nhà trường ưu tiên bố trí phòng làm việc chung cho nhóm, tạo điều kiện về trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu.

5. Các nhóm giảng viên dự kiến đăng ký nhóm NCTN cần có lộ trình chuẩn bị nhân lực và Trường sẽ hỗ trợ thông qua đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở.

Điều 21. Hỗ trợ tạo môi trường hoạt động cho nhóm nghiên cứu tiềm năng

Căn cứ vào đề xuất của nhóm NCTN và nguồn lực của Trường, nhằm tạo môi trường hoạt động cho nhóm NCTN, Trường xem xét hỗ trợ nhóm NCTN các nội dung sau:

1. Thu hút các cộng tác viên là cán bộ, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài Trường tham gia thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể của nhóm NCTN, trên cơ sở nhất trí theo thỏa thuận của các bên.

2. Sử dụng cơ sở vật chất hiện hành của Trường để thực hiện các nhiệm vụ của nhóm NCTN theo quy định.

3. Đề nghị Trường và đơn vị quản lý trực tiếp tạo điều kiện, ủng hộ các thành viên nhóm NCTN tham gia và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

4. Đề nghị Trường tạo điều kiện về mặt thủ tục hành chính trong hoạt động của nhóm NCTN khi làm việc với các cơ quan ngoài Trường.

5. Huy động và tiếp nhận nguồn hỗ trợ, tài trợ ngoài Trường cho hoạt động của nhóm NCTN sau khi nhóm đã báo cáo và làm thủ tục xin phê duyệt theo quy định.

Điều 22. Đề xuất hỗ trợ và sử dụng kinh phí hoạt động của nhóm nghiên cứu tiềm năng

1. Các hoạt động mà nhóm NCTN đề xuất Trường hỗ trợ phải có tờ trình, dự toán và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện theo quy định.

2. Trưởng nhóm NCTN có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của nhóm phù hợp với kế hoạch hoạt động và dự toán đã được phê duyệt.



3. Việc sử dụng kinh phí của nhóm NCTN phải công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài chính. Định kỳ, trưởng nhóm NCTN thông tin tình hình sử dụng kinh phí cho các thành viên trong nhóm.

Điều 23. Khen thưởng

1. Nhóm NCTN hoàn thành vượt kế hoạch hoạt động của năm và có điểm bài báo WoS, Scopus đạt từ 12 điểm/năm trở lên được xem xét, đề nghị tặng giấy khen của Hiệu trưởng.

2. Thành viên của nhóm NCTN có đóng góp nổi bật cho nhóm được xem xét, đề nghị tặng giấy khen của Hiệu trưởng. Số lượng thành viên được nghị tặng giấy khen của Hiệu trưởng không vượt quá 10% số lượng thành viên của nhóm NCTN.

3. Thưởng thành tích của nhóm NCTN

Mức thưởng	Điều kiện
300 triệu đồng	Điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 16 điểm/năm trở lên.
100 triệu đồng	Đạt tổng điểm từ 13,5 điểm/năm trở lên, trong đó điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 12 đến dưới 16 điểm/năm.
50 triệu đồng	Đạt tổng điểm từ 13,5 điểm/năm trở lên, trong đó điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 7,5 đến dưới 12 điểm/năm.

Trưởng nhóm NCTN được hưởng 30%, còn lại chia đều cho các thành viên khác của nhóm NCTN.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Phòng Khoa học - Công nghệ và Hợp tác Quốc tế

1. Xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu, phối hợp với Phòng Hành chính - Tổ chức tham mưu về nhân sự của các nhóm nghiên cứu trình Hiệu trưởng phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Là đơn vị đầu mối có nhiệm vụ thường trực điều phối cuộc họp giữa lãnh đạo Trường với nhóm NCTN theo đề nghị của trưởng nhóm NCTN hoặc yêu cầu của Hiệu trưởng.

3. Hướng dẫn các nhóm NCTN xây dựng kế hoạch hoạt động cả giai đoạn và hàng năm.

4. Quản lý hoạt động của các nhóm NCTN của Trường.

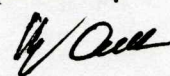
5. Tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhóm NCTN.

6. Cử cán bộ theo dõi hoạt động của các nhóm NCTN.

7. Tổng hợp kế hoạch và dự toán trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 25. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Quản lý tài chính, tạm ứng, thanh toán, quyết toán đối với các khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động của các nhóm nghiên cứu.



Điều 26. Phòng Hành chính - Tổ chức

Phối hợp với Phòng Khoa học - Công nghệ và Hợp tác Quốc tế tham mưu về nhân sự, quyết định thành lập, kiện toàn thành viên nhóm nghiên cứu.

Điều 27. Các đơn vị khác

Phối hợp hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và cơ sở vật chất trang thiết bị để các nhóm nghiên cứu hoạt động hiệu quả.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy định này thay thế cho Quy định quản lý hoạt động các nhóm nghiên cứu chuyên sâu ban hành kèm theo Quyết định số 5740/QĐ-ĐHSP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, căn cứ vào tình hình thực tế Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy định. 

Phụ lục I

**BẢNG QUY ĐỔI SẢN PHẨM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU**

*(Kèm theo Quyết định số 590 /QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

Sản phẩm	Kết quả	Điểm
Công bố khoa học (Các tác giả là thành viên của nhóm nghiên cứu)	Top 1% ngành hoặc (Nature, Science, Cell...)	10
	Bài báo khoa học quốc tế (đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS- ISI):	
	<i>Q1</i>	3
	<i>Q2</i>	2,5
	<i>Q3</i>	2,0
	<i>Q4</i>	1,5
	Bài báo khoa học quốc tế ESCI/Scopus:	
	<i>Q1</i>	2
	<i>Q2</i>	1,5
	<i>Q3</i>	1,25
	<i>Q4</i>	1,0
	Bài báo quốc tế không thuộc Scopus/WoS	0,75
	Bài báo khoa học quốc gia có uy tín (Từ 1 điểm trở lên)	0,75
	Bài báo khoa học trong nước (đăng trên tạp chí chuyên ngành) từ 0,75 điểm trở lên:	
	$\geq 0,75$ điểm	0,5
	$<0,75$ điểm	0,25
	Điểm thưởng cho các bài báo (WoS/Scopus) đạt số lần trích dẫn cao hơn mức trung bình của ngành hoặc đạt ngưỡng trích dẫn nhất định	1,0
Xuất bản sách (Các tác giả là thành viên của nhóm nghiên cứu)	Sách chuyên khảo:	
	- Quốc tế do nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	6,0
	- Trong nước do nhà xuất bản uy tín xuất bản	4,0
	Chương sách:	
	- Quốc tế do Nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	2,0
	- Chương sách trong nước	1,0
	Giáo trình đại học, sau đại học	3,0
Đào tạo sau đại học	Đào tạo thành công tiến sĩ (hướng dẫn chính):	
	- NCS quốc tế	4,0

Handwritten signature

Sản phẩm	Kết quả	Điểm
(Thành viên của nhóm nghiên cứu là hướng dẫn chính)	- <i>NCS trong nước</i>	3,0
	Đào tạo cao học	0,5
	<i>Điểm thưởng cho hướng dẫn NCS hoặc cao học có công bố quốc tế có uy tín hoặc có sáng chế/ giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn</i>	0,75
Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích (Chủ đơn là thành viên nhóm nghiên cứu và Trường Đại học Sư phạm cơ quan đăng ký)	Bằng độc quyền sáng chế:	
	- <i>Quốc tế</i>	5,0
	- <i>Quốc tế có thương mại hóa</i>	6,0
	- <i>Trong nước</i>	3,0
	- <i>Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 8 điểm; ≥ 10 tỷ: 10 điểm)</i>	4-10
	Giải pháp hữu ích:	
	- <i>Trong nước</i>	2,0
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Chủ nhiệm và 1/2 thành viên chính là thành viên nhóm NCTN)	- <i>Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)</i>	3-9
	Nhiệm vụ cấp quốc gia trong các chương trình trọng điểm hoặc độc lập cấp nhà nước:	4,0
	- <i>NAFOSTED</i>	3,0
	- <i>Cấp bộ/ tỉnh thành phố trực thuộc TW</i>	2,0
	- <i>Cấp cơ sở</i>	1,0
	Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tài trợ	2-4
	- <i>Giá trị (< 1 tỷ: 2 điểm ; ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 4 điểm)</i>	
Giải thưởng (Thành viên nhóm nghiên cứu)	<i>Điểm thưởng cho việc ký kết và thực hiện các Thỏa thuận Hợp tác Nghiên cứu (MoU/CA) với các cơ sở giáo dục đại học đại học/tổ chức nghiên cứu Top 500 thế giới nhưng không có tài trợ</i>	1,0
	Giải thưởng Hồ Chí Minh	15
	Giải thưởng Nhà nước	10
	Giải nhất giải thưởng cấp bộ/tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	5,0
Sản phẩm khác	Chuyển giao công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng:	
	- <i>Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia</i>	2,0



Sản phẩm	Kết quả	Điểm
(Người chủ trì là thành viên nhóm nghiên cứu)	- Giải pháp, quy trình vận hành; Mô hình động lực học, mô phỏng số	2,0
	- Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận;	2,0
	- Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ	2,0
	- Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật	2,0
	- Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware	2,0
	- Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)	2,0
	- Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)	6,0
	- Báo cáo chính sách được áp dụng; Dự thảo văn kiện, báo cáo phản biện	3,0
	- Mô hình xã hội, can thiệp cộng đồng	2,0
	- Tác phẩm nghệ thuật, triển lãm uy tín	2,0
	- Quy trình kỹ thuật y tế	3,0
	- Thuốc/vaccine được cấp phép	8,0
	- Phần mềm/thiết bị y tế	2,0
	- Giống cây trồng/vật nuôi mới; Quy trình canh tác bền vững	3,0
	Hợp đồng chuyển giao (Hợp đồng < 0,5 tỷ: 2 điểm; < 1 tỷ: 3 điểm; ≥1 tỷ: 5 điểm; ≥5 tỷ: 7 điểm; ≥10 tỷ: 9 điểm)	1-9
	Thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: chỉ được tính khi Trưởng nhóm hoặc Thành viên chủ chốt là người sáng lập/đồng sáng lập (Founder) hoặc nhân sự chủ chốt (Key Personnel) của doanh nghiệp. Công ty được thành lập, nhận vốn đầu tư từ 1 - 5 tỷ đồng hoặc có doanh thu ổn định: 5 điểm ;nhận vốn đầu tư từ 5 - 20 tỷ đồng: 10 điểm;nhận vốn đầu tư ≥ 20 tỷ đồng: 15 điểm)	5-15
	Thu hút tài trợ cho hoạt động KHCN (từ doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế (có hợp đồng Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)).	1-9



Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ
NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

*(Kèm theo Quyết định số: 590 /QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

- Mẫu 01 - Đơn đăng ký nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 02 - kê khai thành tích đề nghị công nhận trường nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 03 - Danh sách và trích ngang thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 04 - Thuyết minh đề nghị thành lập nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 05 - Lý lịch khoa học
- Mẫu 06 - Bản cam kết dành cho thành viên ngoài Trường
- Mẫu 07 - Phiếu nhận xét phản biện hồ sơ đăng ký nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 08 - Phiếu đánh giá hội đồng xét chọn nhóm nghiên cứu
- Mẫu 09 - Biên bản họp hội đồng xét chọn nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 10 - Đề cương hoạt động nhóm nghiên cứu tiềm năng (03 năm)
- Mẫu 11 - Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu tiềm năng
- Mẫu 12 - Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả nhóm nghiên cứu tiềm năng



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG**

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm

Căn cứ Quy định về nhóm nghiên cứu và quản lý nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày /...../2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

1. Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:

2. Hướng nghiên cứu dự kiến:.....

-
-

3. Thông tin thành viên:

a) Trưởng nhóm:

Chức danh, họ tên:

Chuyên môn:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: E-mail:

ORCID:

b) Các thành viên

STT	Chức danh, học vị, họ và tên	Vai trò	Email	Cơ quan công tác	ORCID

Kính đề nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên xem xét thành lập “tên nhóm” là nhóm nghiên cứu tiềm năng.

Hồ sơ đăng ký kèm theo gồm:

-
-

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

**Người đăng ký
(Dự kiến trưởng nhóm)**




ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KÊ KHAI THÀNH TÍCH CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ LÀ
TRƯỞNG NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG**

1. Thông tin cá nhân:

Họ và tên: (Ghi rõ học hàm, học vị)

Đơn vị:

Lĩnh vực nghiên cứu chính:

Scopus ID:

Google Scholar:

2. Điểm quy đổi công trình (Chỉ kê khai các công trình mà trưởng nhóm là tác giả chính, chủ biên/đồng chủ biên, chủ nhiệm)

Loại sản phẩm	Tiêu chí	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm
Công bố khoa học	Top 1% ngành hoặc (Nature, Science, Cell...)	10		
	Bài báo khoa học quốc tế (đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS- ISI):			
	Q1	3		
	Q2	2,5		
	Q3	2,0		
	Q4	1,5		
	Bài báo khoa học quốc tế ESCI/Scopus:			
	Q1	2		
	Q2	1,5		
	Q3	1,25		
	Q4	1,0		
	Bài báo quốc tế không thuộc Scopus/WoS	0,75		
	Bài báo khoa học quốc gia có uy tín	0,75		
	Bài báo khoa học trong nước (đăng trên tạp chí chuyên ngành) từ 0,75 điểm trở lên:			
	$\geq 0,75$ điểm	0,5		
	$<0,75$ điểm	0,25		

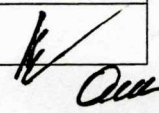
Qu

Loại sản phẩm	Tiêu chí	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm
	Điểm thưởng cho các bài báo (WoS/Scopus) đạt số lần trích dẫn cao hơn mức trung bình của ngành hoặc đạt ngưỡng trích dẫn nhất định	1,0		
Xuất bản sách	Sách chuyên khảo:			
	- Quốc tế do nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	6,0		
	- Trong nước do nhà xuất bản uy tín xuất bản	4,0		
	Chương sách:			
	- Quốc tế do Nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	2,0		
	- Chương sách trong nước	1,0		
	Giáo trình đại học, sau đại học	3,0		
Đào tạo sau đại học	Đào tạo thành công tiến sĩ			
	- NCS quốc tế (Hướng dẫn NCS người nước ngoài)	4,0		
	- NCS trong nước	3,0		
	Đào tạo cao học	0,5		
	Điểm thưởng cho hướng dẫn NCS hoặc cao học có công bố quốc tế có uy tín hoặc có sáng chế/ giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn	0,75		
Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích	Bằng độc quyền sáng chế:			
	- Quốc tế	5,0		
	- Quốc tế có thương mại hóa	6,0		
	- Trong nước	3,0		
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 8 điểm; ≥ 10 tỷ: 10 điểm)	4-10		
	Giải pháp hữu ích:			
	- Trong nước	2,0		
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)	3-9		

Loại sản phẩm	Tiêu chí	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ cấp quốc gia trong các chương trình trọng điểm hoặc độc lập cấp nhà nước:	4,0		
	- <i>NAFOSTED</i>	3,0		
	- <i>Cấp bộ/ tỉnh thành phố trực thuộc TW</i>	2,0		
	- <i>Cấp cơ sở</i>	1,0		
	Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tài trợ - <i>Giá trị (< 1 tỷ: 2 điểm; ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 4 điểm)</i>	2-4		
	<i>Điểm thưởng cho việc ký kết và thực hiện các Thỏa thuận Hợp tác Nghiên cứu (MoU/CA) với các cơ sở giáo dục đại học đại học/tổ chức nghiên cứu Top 500 thế giới nhưng không có tài trợ</i>	1,0		
Giải thưởng	Giải thưởng Hồ Chí Minh	15		
	Giải thưởng Nhà nước	10		
	Giải nhất giải thưởng cấp bộ/tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	5,0		
Sản phẩm khác	Chuyển giao công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng:			
	- <i>Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia</i>	2,0		
	- <i>Giải pháp, quy trình vận hành; Mô hình động lực học, mô phỏng số</i>	2,0		
	- <i>Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận;</i>	2,0		
	- <i>Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ</i>	2,0		
	- <i>Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật</i>	2,0		
	- <i>Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware</i>	2,0		
	- <i>Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)</i>	2,0		



Loại sản phẩm	Tiêu chí	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm
	- Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)	6,0		
	- Báo cáo chính sách được áp dụng; Dự thảo văn kiện, báo cáo phản biện	3,0		
	- Mô hình xã hội, can thiệp cộng đồng	2,0		
	- Tác phẩm nghệ thuật, triển lãm uy tín	2,0		
	- Quy trình kỹ thuật y tế	3,0		
	- Thuốc/vaccine được cấp phép	8,0		
	- Phần mềm/thiết bị y tế	2,0		
	- Giống cây trồng/vật nuôi mới; Quy trình canh tác bền vững	3,0		
	Hợp đồng chuyển giao (Hợp đồng < 0,5 tỷ: 2 điểm; < 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 1 tỷ: 5 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)	1-9		
	Thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: chỉ được tính khi Trưởng nhóm hoặc Thành viên chủ chốt là người sáng lập/đồng sáng lập (Founder) hoặc nhân sự chủ chốt (Key Personnel) của doanh nghiệp. Công ty được thành lập, nhận vốn đầu tư từ 1 - 5 tỷ đồng hoặc có doanh thu ổn định: 5 điểm; nhận vốn đầu tư từ 5 - 20 tỷ đồng: 10 điểm; nhận vốn đầu tư ≥ 20 tỷ đồng: 15 điểm)	5-15		
	Thu hút tài trợ cho hoạt động KHCN (từ doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế (có hợp đồng Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm))	1-9		
Tổng điểm đạt được (Tối thiểu 15 điểm)				



3. Tự đánh giá so các tiêu chuẩn của trường nhóm nghiên cứu tiềm năng:

Nhóm tiêu chí	Yêu cầu	Thực tế đạt được	Tự đánh giá
Vị trí công tác	Giảng viên cơ hữu hoặc toàn thời gian của Trường		
Trình độ	Tiến sĩ		
Điểm khoa học	Tối thiểu 15 điểm theo Khung quy đổi		
H-index	≥ 5		
Chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Chủ trì ≥ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ/Tỉnh hoặc tương đương (năm 5 gần đây)		
Công bố/sản phẩm	≥ 05 bài WoS/Scopus hoặc sáng chế/giải thưởng KH&CN		
Sách	≥ 01 chương sách chuyên khảo/sách tham khảo/giáo trình		
Đào tạo	Hướng dẫn thành công ≥ 01 nghiên cứu sinh (năm 5 gần đây)		

Các nội dung được kê khai đầy đủ trong Lý lịch khoa học kèm theo. Tôi cam kết những thông tin kê khai trên là đúng và trung thực. Nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm theo quy định.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ TRƯỞNG NHÓM

(Ký và ghi rõ họ tên)



Mẫu 03 - Danh sách và trích ngang thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

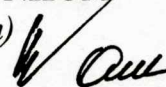
**DANH SÁCH VÀ TRÍCH NGANG THÀNH VIÊN
NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG**

TT	Họ tên thành viên	Đơn vị	Thành tích nghiên cứu (5 năm gần đây)
1	Nguyễn Văn A (Dự kiến làm thư ký)	Trường Đại học Sư phạm	- Số đề tài đã chủ trì: - Số bài báo đã công bố: - Số bài báo công bố cùng trưởng nhóm:....(Thứ tự trong lý lịch KH: [1], [3],... - Số bài báo phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm:..... (Thứ tự trong lý lịch KH: [1], [3],... - Số sách đã xuất bản: - Số học viên đã hướng dẫn thành công: <i>Chi tiết như trong Lý lịch khoa học</i>
2	Nguyễn Văn A (Thành viên)	Trường Đại học Sư phạm	- Số đề tài đã chủ trì: - Số bài báo đã công bố: - Số bài báo công bố cùng trưởng nhóm:....(Thứ tự trong lý lịch KH: [1], [3],... - Số bài báo phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm:..... (Thứ tự trong lý lịch KH: [1], [3],... - Số sách đã xuất bản: - Số học viên đã hướng dẫn thành công: <i>Chi tiết như trong Lý lịch khoa học</i>

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ TRƯỞNG NHÓM

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

1. Thông tin chung về nhóm nghiên cứu nghiên cứu mạnh

1.1. Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

- Tên gọi tắt (nếu có):

1.2. Hướng nghiên cứu

.....

.....

.....

.....

1.3. Mục tiêu hoạt động:

- Về hướng nghiên cứu:

.....

- Về đào tạo sau đại học:

.....

.....

- Về liên kết trong nghiên cứu khoa học & ứng dụng kết quả:

.....

.....

.....

1.4. Danh sách các thành viên (kèm theo lý lịch khoa học của thành viên)

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1				Trưởng nhóm
2				Thư ký
3				Thành viên
..	...	...		...

W/ Cao

2. Thuyết minh về tính khả thi thực hiện sản phẩm tối thiểu theo quy định của nhóm nghiên cứu tiềm năng

<i>Sản phẩm</i>	<i>Chỉ tiêu tối thiểu</i>	<i>Thuyết minh về tính khả thi để đạt được điểm quy đổi, số lượng, chất lượng sản phẩm tối thiểu (trong 3 năm 2027-2029)</i>
Tổng điểm khoa học	≥ 40 điểm theo Khung quy đổi sản phẩm	Dự kiến điểm đạt được theo năm: Năm 2027: Năm 2028: Năm 2029:
Đào tạo sau đại học	Đào tạo thành công ≥ 02 thạc sĩ hoặc 01 NCS	Dự kiến đạt được theo năm: Năm 2027: NCS; thạc sĩ Năm 2028: NCS; thạc sĩ Năm 2029: NCS; thạc sĩ
Sách	Xuất bản ≥ 01 chương sách/sách tham khảo/giáo trình	Dự kiến đạt được theo năm: Năm 2027: giáo trình; sách chuyên khảo Năm 2028: giáo trình; sách chuyên khảo Năm 2029: giáo trình; sách chuyên khảo
Công bố khoa học	Trung bình ≥ 03 bài WoS/Scopus/năm	Dự kiến đạt được theo năm: Năm 2027: WOS; Scopus Năm 2028: WOS; Scopus Năm 2029: WOS; Scopus
Sản phẩm ứng dụng	Hoặc có ≥ 01 sáng chế/giải pháp hữu ích/phần mềm/chuyển giao	Dự kiến đạt được theo năm: Năm 2027: sáng chế; GPI Năm 2028: sáng chế; GPI Năm 2029: sáng chế; GPI



3. Thuyết minh lộ trình hình thành nhóm nghiên cứu mạnh đến năm 2030 (nếu có, nếu không dự kiến thì bỏ nội dung này)

3.1. Đối với cá nhân dự kiến làm trưởng nhóm nghiên cứu mạnh

Họ và tên người dự kiến:

Nội dung	Tiêu chuẩn Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh (NCM)	Thành tích đã có	Các tiêu chí còn thiếu	Kế hoạch bổ sung các tiêu chí còn thiếu
Vị trí công tác	Giảng viên cơ hữu tại cơ sở GDĐH chủ trì			
Trình độ	Tiến sĩ trở lên			
Điểm quy đổi sản phẩm	≥ 30 điểm			
Hướng nghiên cứu	Định hướng chiến lược, dẫn dắt nhóm			
H-index	≥ 10			
Nhiệm vụ KH&CN	Chủ trì ≥ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ/tỉnh hoặc tương đương			
Công bố khoa học	Tác giả chính ≥ 10 bài WoS/Scopus hoặc tương đương			
Sở hữu trí tuệ / sản phẩm KH&CN	≥ 02 sáng chế hoặc sản phẩm có tác động trong nước/quốc tế			
Sách/chương sách	≥ 02 chương sách chuyên khảo hoặc 01 sách, GT			

Quê

Đào tạo nhân lực	Hướng dẫn thành công ≥ 01 nghiên cứu sinh			
Hợp tác nghiên cứu	Có hợp tác quốc tế, doanh nghiệp, tư vấn chính sách			

3.2. Đối với cá nhân dự kiến là viên chính nhóm nghiên cứu mạnh

3.2.1. Thành viên chính 1:

Nội dung	Tiêu chuẩn Thành viên chủ chốt nhóm NCM	Thành tích đã có	Các tiêu chí còn thiếu	Kế hoạch bổ sung các tiêu chí còn thiếu
Vị trí công tác	Giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia trong/ngoài nước			
Trình độ	Phù hợp lĩnh vực nghiên cứu			
Điểm quy đổi sản phẩm	≥ 15 điểm			
Hướng nghiên cứu	Phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm			
H-index	≥ 5			
Nhiệm vụ KH&CN	Chủ trì ≥ 01 nhiệm vụ KH&CN hoặc dự án hợp tác			

Qua

Công bố khoa học	Tác giả chính ≥ 5 bài WoS/Scopus hoặc tương đương			
Sở hữu trí tuệ / sản phẩm KH&CN	≥ 01 sáng chế hoặc sản phẩm được công nhận trong nước/quốc tế			
Sách/chương sách	≥ 01 chương sách hoặc 01 sách, GT			
Đào tạo nhân lực	Hướng dẫn thành công ≥ 01 nghiên cứu sinh			
Hợp tác nghiên cứu	Có kinh nghiệm hợp tác nghiên cứu, chuyển giao			

3.2.2. Thành viên chính 2:

3.2.3. Thành viên chính 3:

3.2.4. Thành viên chính 4:

3.2.5. Thành viên chính 5:

NGƯỜI ĐĂNG KÝ TRƯỞNG NHÓM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4	1. Họ và tên:										
	2. Năm sinh:	3. Giới tính:									
	4. Chức danh:	Năm được phong:									
	Bằng cấp:	Năm đạt học vị:									
5. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ:									
6. Địa chỉ:											
7. Điện thoại:		Email:									
8. Số tài khoản:		tại ngân hàng.....									
9. Mã số thuế:											
10. Cơ quan - nơi làm việc của cán bộ khoa học: Địa chỉ Cơ quan: Điện thoại Cơ quan:											
11. Hồ sơ khoa học online: a. Google scholar: b. ORCID: c. Scopus ID:											
12. Quá trình đào tạo <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bậc đào tạo</th> <th>Nơi đào tạo</th> <th>Chuyên môn</th> <th>Năm tốt nghiệp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>				Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp				
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp								

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Handwritten signature

13. Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Chức vụ

14. Các công trình khoa học đã công bố (trong 05 năm gần đây)

TT	Tên công trình (sách, giáo trình, bài báo...)	Loại tài liệu chính hoặc bậc giá công trình	Nơi công bố (tên nhà xuất bản/tên cơ quan đăng, tập số, trang số...)	Năm công bố
Sách, giáo trình				
1				
Bài báo khoa học				
<i>Bài báo WOS, Scopus</i>				
1				
2				
3				
4				
Bài báo khác (QTT, trong nước, KYHT)				



5				
6				
7				
..				

15. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng	Vai trò

16. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

17. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 05 năm gần đây)

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Cấp quản lý	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu/ chưa nghiệm thu)

18. Giải thưởng KH&CN (nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

19. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (nếu có)

20. Tham gia hoạt động đào tạo sau đại học**20.1. Đào tạo tiến sĩ - Số luận án hướng dẫn trong 05 năm gần nhất:**

Tên NCS	Tên luận án	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn	Cơ sở đào tạo

20.2. Đào tạo thạc sĩ - Số luận văn hướng dẫn chính trong 05 năm gần nhất:

Tên học viên	Tên luận văn	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn	Cơ sở đào tạo

Thái Nguyên, ngày.....tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**(Đối với thành viên đang là cán bộ, giảng viên cơ hữu của đơn vị ngoài trường)****NGƯỜI KHAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm

Tên tôi là:

Số CCCD:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại: Email:

Sau khi trao đổi với Ông/Bà về việc tham gia Nhóm nghiên cứu mạnh
 <<tên nhóm dự kiến>> với tư cách là (thư ký, thành viên)

Tôi xin cam kết những nội dung sau:

- 1) Tự nguyện tham gia nhóm nghiên cứu mạnh do Ông/Bà..... là Trưởng nhóm.
- 2) Thực hiện các nội dung nghiên cứu chung của nhóm theo phân công của Trưởng nhóm.
- 3) Tuân thủ Quy định về nhóm nghiên cứu và quản lý nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Tôi đã trao đổi và được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và trưởng nhóm nghiên cứu để tham gia vào Nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh. Trường hợp không thực hiện đúng các nội dung đã cam kết, tôi xin báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định.

....., ngày tháng năm 20...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG TÁC

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ tên)



Mẫu 07 - Phiếu nhận xét phản biện hồ sơ đăng ký nhóm nghiên cứu tiềm năng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU NHẬN XÉT PHẢN BIỆN
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG**

Tên nhóm nghiên cứu:
Trưởng nhóm (dự kiến):
Họ tên thành viên hội đồng:
Chức danh, học vị:, Lĩnh vực chuyên môn chính:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Về uy tín, năng lực khoa học, các thành tựu khoa học của Trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu (mức độ đáp ứng các tiêu chí trong Quy định về nhóm nghiên cứu, nêu rõ những điểm mạnh và điểm yếu):

1.1. Trưởng nhóm

1.2. Các thành viên

2. Về hướng nghiên cứu, mục tiêu và triển vọng phát triển của nhóm nghiên cứu (tính phù hợp giữa năng lực nghiên cứu của các thành viên, xu hướng nghiên cứu trong và ngoài nước, chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước)

3. Về dự kiến kế hoạch, sản phẩm hoạt động triển khai trong 3 năm và từng năm, các đề xuất của nhóm nghiên cứu (tính hợp lý và tính khả thi):

4. Các vấn đề khác

5. Kết luận (đề nghị công nhận hay không công nhận nhóm nghiên cứu):

Xác nhận của cơ quan công tác

Ngày tháng năm

Thành viên hội đồng

(ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

Tên nhóm nghiên cứu:

Trưởng nhóm:

Họ tên thành viên hội đồng:

TT	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng*	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn trưởng nhóm nghiên cứu		
1.1	Học vị (Tiến sĩ)		
1.2	Điểm khoa học quy đổi (Tối thiểu 15 điểm)		
1.3	H-index (Tối thiểu là 5)		
1.4	Chủ trì ≥ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ/Tỉnh hoặc tương đương (trong 5 năm gần nhất)		
1.5	Có kết quả nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm		
1.6	Là tác giả chính của ít nhất 05 bài WoS/Scopus		
	Là tác giả của ít nhất 01 sáng chế, hoặc 01 giải pháp hữu ích, hoặc 01 bằng bảo hộ giống cây trồng		
	Là tác giả của tác phẩm, sản phẩm sáng tạo, dự án thiết kế, công trình kiến trúc hoặc dự án công nghệ có tác động quốc tế hoặc trong nước được công nhận bởi tổ chức chuyên ngành uy tín		
	Là tác giả của công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt giải ba giải thưởng khoa học, công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh trở lên		
2	Tiêu chuẩn Thành viên nhóm nghiên cứu		
2.1	Có kết quả nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm		
2.2	Trong 05 năm gần nhất, đã có ít nhất một công trình khoa học công bố chung với trưởng nhóm hoặc một sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng, kết quả chuyển giao công nghệ, thử nghiệm sản xuất được thực hiện theo định hướng nghiên cứu của nhóm hoặc thực hiện cùng trưởng nhóm.		
3	Dự kiến kế hoạch và sản phẩm hoạt động 3 năm và từng năm phù hợp với quy định		

* Mức độ đáp ứng các tiêu chí ghi: "Đạt" hay "Không đạt".

Kết luận:

Nhóm nghiên cứu đạt hay không đạt yêu cầu để công nhận nhóm nghiên cứu tiềm năng?

☐

Đạt

☐

Không đạt

(Chú ý: Kết luận "Đạt" nếu tất cả các tiêu chí trong bảng trên đều "Đạt")

Ngày tháng năm

Thành viên Hội đồng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

- Thư ký 
(ký, họ tên)

Mẫu 10 - Đề cương hoạt động nhóm nghiên cứu tiềm năng (03 năm)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

(Trong 03 năm)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:
- Tên gọi tắt (nếu có):

Trưởng nhóm:

II. KẾ HOẠCH VÀ SẢN PHẨM DỰ KIẾN CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU

1. Năm thứ nhất (từ ngày/.../2026 đến ngày/.../2027)

1.1. Xây dựng đề xuất, thuyết minh đề tài KHCN

a. Cấp NN, Quỹ

- Tên đề xuất 1
- Tên đề xuất 2

.....

b. Cấp Bộ, tỉnh

- Tên đề xuất 1
- Tên đề xuất 2

.....

c. Cấp Đại học

- Tên đề xuất 1
- Tên đề xuất 2

.....

d. Cấp Cơ sở

- Tên đề xuất 1
- Tên đề xuất 2

.....

Kết quả dự kiến: Được duyệt..... đề tài

1.2. Công bố khoa học

- Số bài báo WoS: Q1; Q2; Q3; Q4
- Bài báo Scopus/ESCI: Q1; Q2; Q3; Q4
- Số bài báo khác:

Handwritten signature

1.3. Đăng ký sở hữu trí tuệ (Sáng chế, GPHI): Đăng ký... đơn đăng ký SHTT được chất nhận; Được cấp văn bằng Sáng chế, văn bằng GPHI

1.4. Biên soạn sách, giáo trình

Số lượng bản, giáo trình được xuất bản

- Giáo trình:
- Sách chuyên khảo:
- Sách tham khảo:
- Sách khác:

Được xuất bản

1.5. Đào tạo sau đại học (NCS, ThS).

- Đào tạo Thạc sĩ:
- Đào tạo NCS:

1.6. Tham gia Hội nghị, hội thảo

- Hội nghị, hội thảo trong nước:
 - 1).....
 - 2).....
- Hội nghị hội thảo ở nước ngoài:
 - 1).....
 - 2).....

1.7. Các hoạt động khác

.....

2. Năm thứ hai (từ ngày/.../2027 đến ngày/.../2028)

(Các mục giống như trên)

3. Năm thứ hai (từ ngày/.../2028 đến ngày/.../2029)

.....Q1;.....Q2;.....Q3;.....Q4

4. Bảng tổng hợp kết quả, sản phẩm dự kiến theo các năm (để tính điểm)

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm		
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
Công bố khoa học	Top 1% ngành hoặc (Nature, Science, Cell...)			
	Bài báo khoa học quốc tế (đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS- ISI):			
	Q1			
	Q2			
	Q3			
	Q4			

Handwritten signature

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm		
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
	Bài báo khoa học quốc tế ESCI/ Scopus			
	Q1			
	Q2			
	Q3			
	Q4			
	Bài báo quốc tế không thuộc Scopus/ WoS			
	Bài báo khoa học quốc gia có uy tín			
	Bài báo khoa học trong nước (đăng trên tạp chí chuyên ngành) từ 0,75 điểm trở lên			
	$\geq 0,75$ điểm			
	$< 0,75$ điểm			
Xuất bản sách	Sách chuyên khảo			
	- Quốc tế do nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)			
	- Trong nước do nhà xuất bản uy tín xuất bản			
	Chương sách			
	- Quốc tế do Nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)			
	- Chương sách trong nước			
	Giáo trình đại học, sau đại học			
Đào tạo sau đại học	Đào tạo thành công tiến sĩ			
	- NCS quốc tế (Hướng dẫn NCS người nước ngoài)			
	- NCS trong nước			
	Đào tạo cao học			
Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích	Bằng độc quyền sáng chế			
	- Quốc tế			
	- Quốc tế có thương mại hóa			
	- Trong nước			
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao)			

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm		
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
	Giải pháp hữu ích			
	- Trong nước			
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao)			
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ cấp quốc gia trong các chương trình trọng điểm hoặc độc lập cấp nhà nước			
	- NAFOSTED			
	- Cấp bộ/ tỉnh thành phố trực thuộc TW			
	- Cấp cơ sở			
	Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tài trợ			
Giải thưởng	Giải thưởng Hồ Chí Minh			
	Giải thưởng Nhà nước			
	Giải nhất giải thưởng cấp bộ/tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương			
Sản phẩm khác	Chuyển giao công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng			
	- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia			
	- Giải pháp, quy trình vận hành; Mô hình động lực học, mô phỏng số			
	- Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận;			
	- Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ			
	- Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật			
	- Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware			
	- Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)			



Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm		
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
	- Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)			
	- Báo cáo chính sách được áp dụng; Dự thảo văn kiện, báo cáo phản biện			
	- Mô hình xã hội, can thiệp cộng đồng			
	- Tác phẩm nghệ thuật, triển lãm uy tín			
	- Quy trình kỹ thuật y tế			
	- Thuốc/vaccine được cấp phép			
	- Phần mềm/thiết bị y tế			
	- Giống cây trồng/vật nuôi mới; Quy trình canh tác bền vững			
	Hợp đồng chuyển giao			
	Thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: chỉ được tính khi Trưởng nhóm hoặc Thành viên chủ chốt là người sáng lập/đồng sáng lập (Founder) hoặc nhân sự chủ chốt (Key Personnel) của doanh nghiệp.			
	Thu hút tài trợ cho hoạt động KHCN (từ doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế (có hợp đồng)			
Tổng điểm dự kiến đạt được trong các năm (Tối thiểu 40 điểm trong 03 năm)				

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG NHÓM NGHIÊN CỨU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 11 - Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu tiềm năng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG

(Thời gian thực hiện từ ngày/...../202... đến ngày/...../202....)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

- Tên gọi tắt (nếu có):

Trưởng nhóm:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU

1.1. Danh mục đề tài được duyệt và tình hình thực hiện các đề tài

a. Danh mục đề tài được duyệt mới

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Thành viên thực hiện	Thời gian thực hiện (từ ngày...- ngày...)

b. Tiến độ thực hiện các đề tài đã được duyệt

TT	Tên đề tài	Cấp quản lý	Sản phẩm theo thuyết minh	Sản phẩm đã đạt, còn thiếu
				1. Sản phẩm đã đạt: 2. Sản phẩm còn thiếu:

1.2. Công bố khoa học

TT	Thông tin bài báo (Tên tác giả, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, trang, năm xuất bản, Doi)	Danh mục (WoS, Scopus, ESCI, QTT, trong nước)	Xếp hạng (Q1-Q4) hoặc top 1%

1.3. Đăng ký sở hữu trí tuệ (Sáng chế, GPHI):

TT	Tên sáng chế, GPHI	Năm công bố	Chủ đơn

1.4. Biên soạn sách, giáo trình

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản	Thời gian xuất bản

[Signature]

1.5. Đào tạo sau đại học (ThS, NCS)

a. Thạc sĩ

TT	Tên học viên	Thời gian bảo vệ luận văn	Người hướng dẫn

b. Nghiên cứu sinh

TT	Tên nghiên cứu sinh	Thời gian bảo vệ luận án	Người hướng dẫn

1.6. Tham gia Hội nghị, hội thảo

a. Hội nghị Hội thảo trong nước

TT	Tên hội thảo, hội nghị	Thời gian tham gia	Tên người tham gia

b. Hội nghị Hội thảo tại nước ngoài

TT	Tên hội thảo, hội nghị	Thời gian tham gia	Tổ chức tại quốc gia

1.7. Các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Người chủ trì thực hiện

III. BẢNG ĐIỂM QUY ĐỔI CỦA CÁC SẢN PHẨM

Loại sản phẩm	Kết quả	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm đạt được
Công bố khoa học (Các tác giả là thành viên của nhóm nghiên cứu)	Top 1% ngành hoặc (Nature, Science, Cell...)	10		
	Bài báo khoa học quốc tế (đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS- ISI):			
	Q1	3		
	Q2	2,5		
	Q3	2,0		
	Q4	1,5		

Handwritten signature/initials

Loại sản phẩm	Kết quả	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm đạt được
	Bài báo khoa học quốc tế ESCI/Scopus			
	<i>Q1</i>	2		
	<i>Q2</i>	1,5		
	<i>Q3</i>	1,25		
	<i>Q4</i>	1,0		
	Bài báo quốc tế không thuộc Scopus/WoS	0,75		
	Bài báo khoa học quốc gia có uy tín (Từ 1 điểm trở lên)	0,75		
	Bài báo khoa học trong nước (đăng trên tạp chí chuyên ngành) từ 0,75 điểm trở lên			
	$\geq 0,75$ điểm	0,5		
	$<0,75$ điểm	0,25		
	Điểm thưởng cho các bài báo (WoS/Scopus) đạt số lần trích dẫn cao hơn mức trung bình của ngành hoặc đạt ngưỡng trích dẫn nhất định	1,0		
Xuất bản sách (Các tác giả là thành viên của nhóm nghiên cứu)	Sách chuyên khảo			
	- Quốc tế do nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	6,0		
	- Trong nước do nhà xuất bản uy tín xuất bản	4,0		
	Chương sách			
	- Quốc tế do Nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)	2,0		
	- Chương sách trong nước	1,0		
	Giáo trình đại học, sau đại học	3,0		
Đào tạo sau đại học (Thành viên của nhóm nghiên cứu)	Đào tạo thành công tiến sĩ (hướng dẫn chính)			
	- NCS quốc tế	4,0		
	- NCS trong nước	3,0		
	Đào tạo cao học	0,5		



Loại sản phẩm	Kết quả	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm đạt được
là hướng dẫn chính)	<i>Điểm thưởng cho hướng dẫn NCS hoặc cao học có công bố quốc tế có uy tín hoặc có sáng chế/ giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn</i>	0,75		
Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích (Chủ đơn là thành viên nhóm nhóm nghiên cứu và Trường Đại học Sư phạm cơ quan đăng ký)	Bằng độc quyền sáng chế			
	- Quốc tế	5,0		
	- Quốc tế có thương mại hóa	6,0		
	- Trong nước	3,0		
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 8 điểm; ≥ 10 tỷ: 10 điểm)	4-10		
	Giải pháp hữu ích			
	- Trong nước	2,0		
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Chủ nhiệm và 1/2 thành viên chính là thành viên nhóm NCTN)	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao: Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)	3-9		
	Nhiệm vụ cấp quốc gia trong các chương trình trọng điểm hoặc độc lập cấp nhà nước	4,0		
	- NAFOSTED	3,0		
	- Cấp bộ/ tỉnh thành phố trực thuộc TW	2,0		
	- Cấp cơ sở	1,0		
	Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tài trợ - Giá trị (< 1 tỷ: 2 điểm; ≥ 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 5 tỷ: 4 điểm)	2-4		
Giải thưởng	<i>Điểm thưởng cho việc ký kết và thực hiện các Thỏa thuận Hợp tác Nghiên cứu (MoU/CA) với các cơ sở giáo dục đại học đại học/tổ chức nghiên cứu Top 500 thế giới nhưng không có tài trợ</i>	1,0		
	Giải thưởng Hồ Chí Minh	15		



Loại sản phẩm	Kết quả	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm đạt được
(Thành viên nhóm nghiên cứu)	Giải thưởng Nhà nước	10		
	Giải nhất giải thưởng cấp bộ/tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	5,0		
Sản phẩm khác (Người chủ trì là thành viên nhóm nghiên cứu)	Chuyển giao công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng			
	- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia	2,0		
	- Giải pháp, quy trình vận hành; Mô hình động lực học, mô phỏng số	2,0		
	- Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận;	2,0		
	- Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ	2,0		
	- Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật	2,0		
	- Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware	2,0		
	- Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)	2,0		
	- Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)	6,0		
	- Báo cáo chính sách được áp dụng; Dự thảo văn kiện, báo cáo phản biện	3,0		
	- Mô hình xã hội, can thiệp cộng đồng	2,0		
	- Tác phẩm nghệ thuật, triển lãm uy tín	2,0		
	- Quy trình kỹ thuật y tế	3,0		
	- Thuốc/vaccine được cấp phép	8,0		
	- Phần mềm/thiết bị y tế	2,0		
	- Giống cây trồng/vật nuôi mới; Quy trình canh tác bền vững	3,0		



Loại sản phẩm	Kết quả	Điểm/sản phẩm	Số lượng	Điểm đạt được
	Hợp đồng chuyển giao (Hợp đồng < 0,5 tỷ: 2 điểm; < 1 tỷ: 3 điểm; ≥ 1 tỷ: 5 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm)	1-9		
	Thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: chỉ được tính khi Trưởng nhóm hoặc Thành viên chủ chốt là người sáng lập/đồng sáng lập (Founder) hoặc nhân sự chủ chốt (Key Personnel) của doanh nghiệp. Công ty được thành lập, nhận vốn đầu tư từ 1 - 5 tỷ đồng hoặc có doanh thu ổn định: 5 điểm; n hạn vốn đầu tư từ 5 - 20 tỷ đồng: 10 điểm; nhận vốn đầu tư ≥ 20 tỷ đồng: 15 điểm)	5-15		
	Thu hút tài trợ cho hoạt động KHCN (từ doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế (có hợp đồng Hợp đồng ≥ 1 tỷ: 4 điểm; ≥ 5 tỷ: 7 điểm; ≥ 10 tỷ: 9 điểm))	1-9		
Tổng điểm				

IV. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VÀ THƯỞNG CHO SẢN PHẨM CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU

1. Hỗ trợ cho công bố khoa học (Theo QCCTNB và Quy định này):

TT	Loại bài báo, sở hữu trí tuệ	Số lượng	Định mức hỗ trợ/bài, sản phẩm (VNĐ)	Tổng kinh phí (VNĐ)
1	Bài báo SCIE, SSCI, A&HCI - Q1			
2	Bài báo SCIE, SSCI, A&HCI - Q2			
3	Bài báo SCIE, SSCI, A&HCI - Q3,4 và Scopus			
4	Bài báo ESCI			
5	Bài báo khác (có điểm từ 1 điểm trở lên)			



TT	Loại bài báo, sở hữu trí tuệ	Số lượng	Định mức hỗ trợ/bài, sản phẩm (VNĐ)	Tổng kinh phí (VNĐ)
6	Bài báo khác (có điểm từ 0,75 điểm trở lên đến dưới 1)			
7	Bằng sáng chế			
8	Bằng giải pháp hữu ích			

3. Thưởng về nội lực công bố (Theo QCCTNB):

TT	Loại bài báo	Số lượng	Định mức thưởng nội lực công bố/bài, sản phẩm (VNĐ)	Tổng kinh phí (VNĐ)
1	Bài báo Q1			
2	Bài báo Q2			
3	Bài báo Q3,4 và Scopus			

4. Khen thưởng tác giả chính (Theo QCCTNB):

TT	Loại bài báo	Số lượng	Định mức thưởng nội lực công bố/bài, sản phẩm (VNĐ)	Tổng kinh phí (VNĐ)
1	Bài báo SCIE, SSCI, A&HCI			
2	Bài báo Scopus, ESCI			

5. Thưởng thành tích nhóm nghiên cứu

TT	Mức thành tích đạt được	Giá trị thưởng (VNĐ)
1	Điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 16 điểm/năm trở lên.	300.000.000
2	Đạt tổng điểm từ 13,5 điểm/năm trở lên, trong đó điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 12 đến dưới 16 điểm/năm.	100.000.000
3	Đạt tổng điểm từ 13,5 điểm/năm trở lên, trong đó điểm từ bài báo WoS, Scopus đạt từ 7,5 đến dưới 12 điểm/năm.	50.000.000

(Chỉ kê khai mức mà nhóm đạt được).

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ và thưởng năm thứ là: (VNĐ)

6. Danh sách cá nhân đề nghị tặng giấy khen của Hiệu trưởng

a. Đối với cá nhân

TT	Họ tên người đề nghị tặng giấy khen	Thành tích cá nhân đề nghị tặng giấy khen đã đóng góp cho nhóm nghiên cứu

Handwritten signature

b. Đối với nhóm nghiên cứu

TT	Tên nhóm nghiên cứu	Thành tích của nhóm nghiên cứu

TRƯỞNG NHÓM NGHIÊN CỨU
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG
(Năm thứ)**

1. Tên nhóm nghiên cứu:
2. Trưởng nhóm:
3. Quyết định thành lập Hội đồng:
4. Ngày họp:
5. Địa điểm:
6. Thành viên hội đồng: Tổng số:
Có mặt: Vắng mặt:
8. Kết luận của hội đồng về việc đánh giá kết quả thực hiện năm thứ....
- 8.1. Đánh giá kết quả đạt được theo đăng ký

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng đăng ký	Thực tế đạt được	Đánh giá (Đạt/Không Đạt)
Công bố khoa học	Top 1% ngành hoặc (Nature, Science, Cell...)			
	Bài báo khoa học quốc tế (đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS-ISI):			
	Q1			
	Q2			
	Q3			
	Q4			
	Bài báo khoa học quốc tế ESCI/Scopus			
	Q1			
	Q2			
	Q3			
	Q4			
	Bài báo quốc tế không thuộc Scopus/WoS			
	Bài báo khoa học quốc gia có uy tín			

Chữ ký

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng đăng ký	Thực tế đạt được	Đánh giá (Đạt/Không Đạt)
	Bài báo khoa học trong nước (đăng trên tạp chí chuyên ngành) từ 0,75 điểm trở lên			
	$\geq 0,75$ điểm			
	$<0,75$ điểm			
Xuất bản sách	Sách chuyên khảo			
	- Quốc tế do nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)			
	- Trong nước do nhà xuất bản uy tín xuất bản			
	Chương sách			
	- Quốc tế do Nhà xuất bản uy tín xuất bản (Springer, Elsevier...)			
	- Chương sách trong nước			
	Giáo trình đại học, sau đại học			
Đào tạo sau đại học	Đào tạo thành công tiến sĩ			
	- NCS quốc tế (Hướng dẫn NCS người nước ngoài)			
	- NCS trong nước			
	Đào tạo cao học			
Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích	Bằng độc quyền sáng chế			
	- Quốc tế			
	- Quốc tế có thương mại hóa			
	- Trong nước			
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao)			
	Giải pháp hữu ích			
	- Trong nước			
	- Trong nước (có hợp đồng chuyển giao)			
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ cấp quốc gia trong các chương trình trọng điểm hoặc độc lập cấp nhà nước			
	- NAFOSTED			



Handwritten signature/initials.

Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng đăng ký	Thực tế đạt được	Đánh giá (Đạt/Không Đạt)
	- Cấp bộ/ tỉnh thành phố trực thuộc TW			
	- Cấp cơ sở			
	Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế tài trợ			
Giải thưởng	Giải thưởng Hồ Chí Minh			
	Giải thưởng Nhà nước			
	Giải nhất giải thưởng cấp bộ/tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương			
Sản phẩm khác	Chuyển giao công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng			
	- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia			
	- Giải pháp, quy trình vận hành; Mô hình động lực học, mô phỏng số			
	- Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận;			
	- Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ			
	- Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật			
	- Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware			
	- Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)			
	- Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)			
	- Báo cáo chính sách được áp dụng; Dự thảo văn kiện, báo cáo phản biện			
	- Mô hình xã hội, can thiệp cộng đồng			



Loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng đăng ký	Thực tế đạt được	Đánh giá (Đạt/Không Đạt)
	- Tác phẩm nghệ thuật, triển lãm uy tín			
	- Quy trình kỹ thuật y tế			
	- Thuốc/vaccine được cấp phép			
	- Phần mềm/thiết bị y tế			
	- Giống cây trồng/vật nuôi mới; Quy trình canh tác bền vững			
	Hợp đồng chuyển giao			
	Thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: chỉ được tính khi Trưởng nhóm hoặc Thành viên chủ chốt là người sáng lập/đồng sáng lập (Founder) hoặc nhân sự chủ chốt (Key Personnel) của doanh nghiệp			
	Thu hút tài trợ cho hoạt động KH-CN (từ doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế (có hợp đồng))			
Tổng điểm đạt được				

Đánh giá chung:

- Số tiêu chí đạt theo đăng ký:
- Số tiêu chí không đạt:
- Số bài báo WoS, Scopus (Tối thiểu 03 bài):
- Số kinh phí hỗ trợ theo sản phẩm đạt được:

8.2. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

8.3. Kiến nghị:

(Ghi rõ kiến nghị xem có tiếp tục duy trì nhóm nghiên cứu hay giải thể nhóm, có tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ cho nhóm theo quy định này không? ...).

Chủ tịch hội đồng
(ký, họ tên)

Thư ký
(ký, họ tên)

Các thành viên tham dự

Handwritten signatures